

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TN Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Án số: 113/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đồng Huy Hưởng

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Viện, bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 600/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ 10, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Tn

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: anh Lê Anh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: tổ 7, phường Tân Thịnh, thành phố Tn

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập chị Lê Thị N trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Tôi với anh Lê Anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 01/4/2013 tại UBND xã Yên Mỹ, huyện L, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với Nu tình cảm hòa thuận được một thời gian thì đã xảy ra những mâu thuẫn không thể khắc phục được do anh ham chơi dẫn đến nợ nần. Tháng 5/2020 tôi đã có đơn đề nghị xin ly hôn anh T gửi đến Tòa án nhân dân thành phố TN. Sau đó tôi đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ tập trung nuôi dạy con. Hai người đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

2. Về con chung: có 01 con là Lê Kim N1, sinh ngày 06/01/2015 tôi đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: không có.

☐ kiến của anh Lê Anh T:

1. Về quan hệ vợ chồng: Tôi với chị Lê Thị N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 01/4/2013 tại UBND xã Yên Mỹ, huyện L, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với Nu tình cảm hòa thuận được một thời gian thì đã xảy ra những mâu thuẫn do tôi có vướng mắc nợ nhưng tôi và gia đình đã khắc phục. Vợ tôi năm 2018 đã đi cặp bồ, ngoại tình nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau đó đã quay lại chung sống vì đứa con còn nhỏ.

Đến nay chị N tự ý làm đơn ly hôn đơn phương nhưng tôi không đồng ý vì con còn quá nhỏ và tôi muốn vợ chồng nhìn nhận lại;

2. Về con chung: có 01 con là Lê Kim Ngân, sinh ngày 06/01/2015 hiện nay đang ở với mẹ. Nay chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con thì tôi cũng không đồng ý vì tôi nghĩ cái này phải hỏi ý kiến của cháu và chị N tự ý làm đơn xin ly hôn đơn phương thì không được ra điều kiện với tôi;

3. Về tài sản chung: không có.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để các đương sự quay về đoàn tụ nh- ng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn, còn anh T không đồng ý, vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai vào ngày 22/10/2021. Do anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

Sau khi nhận được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa anh T đã có đơn đề nghị gửi đến Tòa án đề nghị tòa án giải quyết là đồng ý ly hôn với chị N và để cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Lê Anh T;

2. Về con chung: chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Lê Kim N1, sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Lê Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn anh Lê Anh T, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp anh Lê Anh T là Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 7, phường Tân Thịnh, thành phố TN, tỉnh Tn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1.2. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và lời trình bày tại phiên tòa thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 01/4/2013 tại UBND xã Yên Mỹ, huyện L, tỉnh B. Do vậy cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với Nu tình cảm hòa thuận được một thời gian thì đã xảy ra những mâu thuẫn không thể khắc phục được.

Theo chị N trình bày: mâu thuẫn là do anh ham chơi dẫn đến nợ nần. Tháng 5/2020 chị đã có đơn đề nghị xin ly hôn anh T gửi đến Tòa án nhân dân thành phố TN. Sau đó chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ tập trung nuôi dạy con. Hai người đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Theo anh T trình bày: mâu thuẫn do anh có vướng mắc nợ nhưng anh và gia đình đã khắc phục. Vợ anh năm 2018 đã đi cặp bồ, ngoại tình nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau đó đã quay lại chung sống vì đứa con còn nhỏ. Đến nay chị N tự ý làm đơn ly hôn đơn phương anh không đồng ý vì con còn quá nhỏ và anh muốn vợ chồng nhìn nhận lại.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng không thành. Anh T không muốn ly hôn nhưng anh

không có phương án nào đưa ra để khắc phục để chị N rút đơn ly hôn, quay về đoàn tụ.

Ngày 22/10/2021, sau khi hoãn phiên tòa anh T đã có đơn đề nghị gửi đến Tòa án đồng ý ly hôn với chị N và để cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét việc anh T có đơn đồng ý ly hôn với chị N là tự nguyện nên cần được ghi nhận.

2.2. Về con chung: chị N, anh T có 01 con là Lê Kim N1, sinh ngày 06/01/2015, hiện nay đang ở với chị. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con anh T không đồng ý. Đến khi đưa ra xét xử anh T đã đồng ý để chị N được nuôi con là phù hợp vì hiện nay cháu vẫn còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

2.3. Về tài sản chung: không có.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Lê Anh T;

2. Về con chung: chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Lê Kim N1, sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở;

3. Về tài sản chung: không có;

4. Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn (biên lai số 0005620 ngày 01/9/2021);

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Huy Hưởng